

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẮK
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28/ 9 /2020

V/v: “Ly hôn, giải quyết nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Xuân Dũng.

- Bà Nguyễn Thị Vui.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bách – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lắc tham gia phiên tòa: Ông Y Ker BKrông - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lắc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, giải quyết nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đình T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Phường Q, thị xã HM, tỉnh Nghệ A. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị Bạc Hồng T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Buôn B, xã KN, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk. (Vắng mặt – Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Anh Nguyễn Đình T trình bày:*

Anh Nguyễn Đình T và chị Bạc Hồng T tìm hiểu với nhau trên cơ sở tự

nguyên và có đăng ký kết hôn vào ngày 01/10/2007 tại Ủy ban nhân dân xã KN, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn anh T, chị T chuyển về chung sống cùng với bố mẹ Anh T tại Phường Q, thị xã HM, tỉnh Nghệ A. Quá trình sống chung anh T, chị T có xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp tính, bất đồng quan điểm vợ chồng thường xuyên gây gỗ, xích mích lẫn nhau. Quá trình sống chung, anh T, chị T đã có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Đình A, sinh ngày 29/8/2008 và khi bỏ đi vào năm 2011 chị T đang mang thai cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 12/5/2011. Cháu A và cháu P sống từ nhỏ với chị T tại buôn B, xã KN, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk cho đến đầu năm 2019 anh T đã đón cháu A về ở với mình tại Phường Q, thị xã HM, tỉnh Nghệ A. Hiện nay, cháu A, cháu P đang sinh sống cùng chị T tại buôn B, xã KN, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Hiện tại, anh T và chị T đã ly thân, không còn chung sống với nhau từ năm 2012, tình cảm vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Bạc Hồng T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung gồm các cháu Nguyễn Đình A, sinh ngày 29/8/2008 và cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 12/5/2011. Cháu A, cháu P hiện tại đang sống cùng với chị T và các cháu cũng có nguyện vọng ở với chị T nên anh T đồng ý để các cháu ở với chị T. Về cấp dưỡng nuôi con Anh T sẽ cấp dưỡng cho chị T nuôi cháu A, cháu P với số tiền mỗi cháu là 2.000.000 đồng/cháu/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: Vợ chồng không có nên Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 26/8/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Bạc Hồng T trình bày:*

Chị Bạc Hồng T thống nhất với anh T trong việc kết hôn và tình trạng hôn nhân của vợ chồng như anh T trình bày. Còn về nguyên mâu thuẫn vợ chồng thì không đúng như anh T trình bày mà trước đây, Anh T đi làm xa nhà và có quan hệ yêu đương với người phụ nữ khác ở bên ngoài dẫn đến vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến tháng 12 năm 2012 chị T đã dẫn các con về nhà bố mẹ đẻ tại buôn B, xã KN, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk sinh sống từ đó cho đến nay. Nay, anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị T thì chị T đồng ý.

Về con chung: Chị T và Anh T có 02 con chung, gồm các cháu Nguyễn Đình A, sinh ngày 29/8/2008 và cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 12/5/2011. Nguyện vọng của chị T sau khi ly hôn là được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu A và cháu P cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, còn về cấp dưỡng nuôi con chị T không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Bạc Hồng T không yêu cầu Tòa án giải

quyết.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lắc P biểu ý kiến:* Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vụ án theo hướng: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Đình T.

- Về qua hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T được ly hôn với chị Bạc Hồng T.

- Về con chung: Chị T và Anh T có 02 con chung, tên là Nguyễn Đình A, sinh ngày 29/8/2008 và cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 12/5/2011. Anh T, chị T thỏa thuận giao hai cháu Nguyễn Đình A và cháu Nguyễn Đình P cho chị Bạc Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, hiện tại chị Bạc Hồng T chuẩn bị phải thi hành án phạt tù đối với bản án số 124/2019/HS-ST ngày 14 tháng 08 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng và bản án hình sự phúc thẩm số 111/2019/HS-PT ngày 25/1/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định thi hành án phạt tù số 10/2020/QĐ-CA ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk, thời hạn chấp hành hình phạt tù là 3 năm, kể từ ngày bắt thi hành án. Vì vậy, ý kiến của Anh T, chị T không đảm bảo việc nuôi dạy và chăm sóc cháu A và cháu P. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu A và cháu P cho Anh Nguyễn Đình T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con do Anh T không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

- Về án phí: Anh Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Anh Nguyễn Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi con chung với chị Bạc Hồng T, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do bị đơn có địa chỉ nơi cư trú tại buôn B, xã KN, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắc. Trước khi mở phiên tòa, anh T và chị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng

mặt tại phiên tòa. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Lắc căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; điểm a Khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để thụ lý, giải quyết và xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng với quy định của pháp luật.

[2] *Về nội dung vụ án:* Trên cơ sở lời trình bày của các đương sự cũng như qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Anh Nguyễn Đình T và chị Bạc Hồng T xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không vi phạm điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã KN, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 01/10/2007 nên quan hệ hôn nhân giữa Anh T với chị T là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Tuy nhiên, trong quá trình sống chung, giữa anh T và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quaA điểm sống, chị T nghi ngờ Anh T có quan hệ yêu đương với người phụ nữ khác ở bên ngoài, dẫn đến vợ chồng nhiều lần cãi nhau. Hiện tại anh T và chị T đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay và không còn quaA tâm đến nhau nữa.

Theo kết quả xác minh tại ban tự quản buôn B, xã KN, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk và tại Ủy ban nhân dân phường Q, thị xã HM, tỉnh Nghệ An. Đại diện chính quyền địa phương cho biết tình trạng hôn nhân và nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị Bạc Hồng T và anh Nguyễn Đình T là có thật như anh T, chị T trình bày. Mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra từ nhiều năm trước, hiện tại anh T đang sống tại thị xã HM, tỉnh Nghệ A, còn chị T đang sinh sống cùng các con tại buôn B, xã KN, huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Như vậy, xét thấy vợ chồng anh T, chị T không còn tình cảm với nhau nữa và cả hai đều có nguyện vọng xin được ly hôn; Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Anh chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Sự thuận tình ly hôn của chị T và anh T phù hợp với Điều 55 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của Anh T, công nhận cho chị T và anh T thuận tình ly hôn.

[3] *Về con chung:* Anh Nguyễn Đình T và chị Bạc Hồng T có 02 con chung là cháu Nguyễn Đình A, sinh ngày 29/8/2008 và cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 12/5/2011. Theo nguyện vọng của cháu A, cháu P và sự thỏa thuận của anh T và chị T là giao hai cháu Nguyễn Đình A và cháu Nguyễn Đình P cho chị Bạc Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, hiện tại chị Bạc Hồng T phải thi hành án phạt tù đối với bản án số 124/2019/HS – ST ngày 14 tháng 08 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng và bản án hình sự phúc thẩm số 111/2019/HS-PT ngày 25/1/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng theo Quyết định thi hành án phạt tù số 10/2020/QĐ-CA ngày 03/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk, thời hạn chấp hành hình

phạt tù là 3 năm kể từ ngày bắt thi hành án. Do đó, sự thỏa thuận về việc giao hai con chung là cháu Nguyễn Đình A và Nguyễn Đình P cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng là không đảm quyền lợi về mọi mặt của con. Vì vậy, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu Nguyễn Đình A và cháu Nguyễn Đình P cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp. Sau khi ly hôn, các bên có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Đình T không yêu cầu chị Bạc Hồng T cấp dưỡng nuôi cháu A và cháu P nên không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] Về án phí: Anh Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 238, Điều 271, Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Khoản 1 Điều 51, Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Đình T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Đình T và chị Bạc Hồng T thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình A, sinh ngày 29/8/2008 và cháu Nguyễn Đình P, sinh ngày 12/5/2011 cho anh Nguyễn Đình T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Nguyễn Đình T không yêu cầu chị Bạc Hồng T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở việc thăm nom con chung sau khi ly hôn. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Các bên không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Đình T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2019/0010423 ngày 10/07/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lắc, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAD tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Lắc;
- Chi Cục THADS huyện Lắc;
- Các đương sự;
- UBND xã KN, huyện Lắc;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Huỳnh Thành

